

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong lĩnh vực giáo dục phổ thông khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 16 tháng 9 năm 2019; Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm 2025;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung ngày ... tháng ... năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về lĩnh vực giáo dục phổ thông khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) và các cơ quan có liên quan triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp cơ sở

1. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương.

2. Bố trí nguồn lực bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để tổ chức dạy học trực tuyến trên địa bàn.

3. Bố trí kinh phí bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên, cán bộ quản lý.”;

3. Bãi bỏ Điều 14.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”;

5. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp cấp cơ sở”; cụm từ “Ban Tuyên giáo Trung ương” bằng cụm từ “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”; cụm từ “Ủy ban VHGD TTN&ND của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội” tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

6. Bỏ cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đánh giá học sinh tiểu học

1. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 10 như sau:

“c) Học bạ số là Học bạ và được thực hiện trên môi trường số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo chỉ đạo các nhà trường trên cùng địa bàn tổ chức nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6 phù hợp với điều kiện của các nhà trường và địa phương.”;

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 14 như sau:

“Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo”;

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 14 như sau:

“a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) tổ chức thực hiện đánh giá học sinh tiểu học trên địa bàn.”;

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 14 như sau:

“b) Hướng dẫn sử dụng hồ sơ đánh giá, Học bạ của học sinh trong trường hợp triển khai hồ sơ đánh giá, Học bạ trên môi trường số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”;

6. Thay thế cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp cơ sở”; cụm từ “Ban Tuyên giáo Trung ương” bằng cụm từ “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”; cụm từ “UBVHGD TTN&ND của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội” tại Thông tư số

27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 như sau:

“a) Góc trên bên trái: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) và tên đơn vị cấp cơ sở.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Phân cấp quản lý

1. Trường tiểu học do Ủy ban nhân dân cấp cơ sở thành lập và quản lý. Các lớp tiểu học, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư này do cấp có thẩm quyền thành lập quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp cơ sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình trường, lớp tiểu học trên địa bàn.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Tham gia điều tra, cập nhật số liệu và quản lý hồ sơ phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo địa bàn được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của cấp cơ sở; tham mưu chính quyền cấp cơ sở đề nghị ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo quy định.”;

4. Thay thế cụm từ “Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở”; cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở”; cụm từ “Ban Tuyên giáo Trung ương” bằng cụm từ “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương”; cụm từ “UBVHGDĐTNTNNĐ của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội” tại Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Thông tư này áp dụng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh); các xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung là cơ sở); các tổ chức và cá nhân liên quan.”;

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:

“Kiểm tra thực tế tại ít nhất 12 đơn vị cơ sở, mỗi đơn vị cơ sở ít nhất 02 hộ gia đình.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Chỉ đạo mỗi cơ sở có một Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ do lãnh đạo cơ sở làm trưởng ban; có người phụ trách công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; có người phụ trách vận hành hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.”;

4. Thay thế từ “huyện” bằng cụm từ “cơ sở”; cụm từ “Ban Tuyên giáo Trung ương” bằng cụm từ “Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương” tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

“a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung là cấp cơ sở), cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm;”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp cơ sở

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn; xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

3. Thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, giờ làm thêm và các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ của các tổ chức, cá nhân dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn.”;

3. Bãi bỏ Điều 11;

4. Bãi bỏ Điều 12;

5. Bỏ cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” tại tiêu đề của Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật

1. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 16 như sau:

“d) Đảm bảo ngân sách và các Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi đáp ứng yêu cầu chăm sóc, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu chất lượng giáo dục hòa nhập của địa phương; chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo các Điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương;”;

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 16.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Ủy ban nhân cấp xã chỉ đạo các ban, ngành phối hợp với cơ sở giáo dục trên địa bàn Điều tra, phát hiện, can thiệp sớm và thực hiện có hiệu quả giáo dục hòa nhập tại địa phương; Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật trên địa bàn; Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; vận động và tổ chức, tạo Điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục; Chỉ đạo thực hiện Chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển giáo dục hòa nhập tại địa phương; Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định về giáo dục hòa nhập tại địa phương; Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện giáo dục hòa nhập với sở giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”;

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 17 như sau:

“5. Phối hợp với cơ quan, ban, ngành của tỉnh trong việc hướng dẫn cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thực hiện chính sách về giáo dục hòa nhập tại địa phương.”

4. Sửa đổi khoản 6 Điều 17 như sau:

“6. Hướng dẫn cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ cộng đồng, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại địa phương.”;

5. Bãi bỏ Điều 18.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Ban hành quy định giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp xã này có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch, ngân sách giáo dục hoà nhập vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục chung của địa phương và trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt. Phối hợp với các cơ quan ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục hoà nhập;

b) Thành lập nhóm cán bộ cốt cán về giáo dục hoà nhập; hợp đồng lao động với nhân viên hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục hòa nhập;

c) Phân công cán bộ phụ trách về công tác giáo dục hoà nhập; kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hoà nhập đối với các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý;

d) Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phối hợp với ngành giáo dục thực hiện giáo dục hoà nhập; vận động, tổ chức để đưa trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đến trường học; huy động các nguồn lực cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

đ) Chỉ đạo và giải quyết chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nhân viên hỗ trợ, giáo viên trực tiếp giáo dục hoà nhập;

e) Báo cáo định kỳ công tác giáo dục hoà nhập trẻ em có hoàn cảnh khó khăn theo yêu cầu của sở giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:

“3. Phân công cán bộ chịu trách nhiệm chính về công tác giáo dục hòa nhập; kiểm tra, thanh tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hòa nhập đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở.”;

3. Bãi bỏ Điều 5 và sửa đổi, cấu trúc lại, bổ sung vào khoản 2 điều 23.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Bồi dưỡng, tư vấn cho người khuyết tật và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu về tâm lý, sức khỏe, giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Trung tâm thực hiện các hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở giáo dục trực thuộc sở giáo dục và đào tạo, cơ sở trợ giúp xã hội trong địa bàn phụ trách”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Hướng nghiệp, dạy nghề, giới thiệu việc làm cho người khuyết tật”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 28 như sau:

“Các công trình xây dựng phục vụ cho học sinh khuyết tật học tập phải bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng;”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 như sau:

“2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với sở giáo dục và đào tạo hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm trên địa bàn.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 33 như sau:

“4. Đầu mỗi năm học, sở giáo dục và đào tạo yêu cầu các ban văn hóa, giáo dục, xã hội và cơ sở giáo dục trực thuộc, các cơ sở trợ giúp xã hội báo cáo hoặc tổng hợp nhu cầu được hỗ trợ giáo dục hòa nhập gửi về Trung tâm để Trung tâm có căn cứ xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục hòa nhập.”

7. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 34 như sau:

“Điều 34. Trách nhiệm của các ban văn hóa, giáo dục và xã hội trên địa bàn Trung tâm được giao phụ trách”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 15 như sau:

“c) Nội dung hoạt động, học tập của học sinh khuyết tật được xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, dạy nghề và nội dung được quy

định tại chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với khả năng, nhu cầu cá nhân”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm a khoản 1 Điều 16 như sau:

“Đối với Lớp giáo dục chuyên biệt của trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: chương trình và kế hoạch giáo dục được xây dựng trên cơ sở nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù, dạy nghề và nội dung chương trình giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp với khả năng, nhu cầu của cá nhân học sinh khuyết tật.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan hướng dẫn, thanh tra và kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

“4. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai các chính sách bảo trợ xã hội, hỗ trợ về y tế và phục hồi chức năng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đối với học sinh khuyết tật của các Trường giáo dục chuyên biệt, Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.”;

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt trên địa bàn.”;

6. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 28 như sau:

“Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã”;

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

“1. Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của trường có Lớp giáo dục chuyên biệt theo thẩm quyền.”;

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường có Lớp giáo dục chuyên biệt công lập theo thẩm quyền để phục vụ cho công tác dạy học, giáo dục đối với học sinh khuyết tật.”;

9. Bãi bỏ Điều 29;

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Đối với giáo dục phổ thông

Người đứng đầu cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của người khuyết tật để xét lên lớp hoặc xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông đối với người khuyết tật học theo chương trình giáo dục

chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với người khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp hoặc xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Chính sách học phí

Người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo các quy định hiện hành.”;

3. Sửa đổi, bổ sung ý 1, điểm a, khoản 1, Điều 8 như sau :

“- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước.”;

4. Sửa đổi, bổ sung ý 2, điểm a, khoản 1, Điều 8 như sau :

“- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp.”;

5. Sửa đổi, bổ sung ý 1, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau :

“- Đối với người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục trực thuộc cấp xã quản lý gửi về ủy ban nhân dân cấp xã.”;

6. Sửa đổi, bổ sung ý 3, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau :

“- Đối với người khuyết tật có nơi thường trú trên địa bàn xã, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp trong phạm vi cả nước gửi về ủy ban nhân dân cấp xã.”;

7. Sửa đổi, bổ sung ý 5, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau :

“- Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước.”;

8. Sửa đổi, bổ sung ý 6, điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau :

“- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp.”;

9. Sửa đổi, bổ sung ý 1, điểm b, khoản 2, Điều 8 như sau :

“-Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc cấp xã.”;

10. Sửa đổi, bổ sung ý 3, điểm b, khoản 2, Điều 8 như sau:

“Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học có nơi thường trú trên địa bàn xã, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, trung học chuyên nghiệp ngoài công lập trên phạm vi cả nước.”;

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 9 như sau :

“2. Cơ sở giáo dục công lập nơi có người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học có trách nhiệm gửi thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; cơ sở giáo dục ngoài công lập nơi người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học có

trách nhiệm gửi thông báo về ủy ban nhân dân cấp xã, sở giáo dục và đào tạo chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày người khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học để dừng cấp học bổng và kinh phí hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập.”;

12. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục – Đơn đề nghị như sau :

- Thay cụm từ “Hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “Nơi thường trú”;
- Bỏ cụm từ “Huyện (Quận)”;

Điều 11. Bãi bỏ Thông tư 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Quy định điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại, giải thể Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sửa đổi Điều 5 của Quy chế như sau:

“Điều 5. Tên trường, biển tên trường

1. Việc đặt tên trường PTDTNT được quy định như sau:

Trường PTDTNT trung học cơ sở/trường PTDTNT trung học phổ thông/trường PTDTNT trung học cơ sở và trung học phổ thông + tên riêng.

2. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập, biển tên trường, con dấu và giấy tờ giao dịch của trường.

3. Biển tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên bên trái:

- Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và tên tỉnh;

- Dòng thứ hai: Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

c) Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường.”;

2. Sửa đổi Điều 6 của Quy chế như sau:

“Điều 6. Phân cấp quản lý

1. Trường PTDTNT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.

2. Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78 và Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc do bộ, ngành trung ương quản lý; chịu sự phối hợp quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đặt trụ sở về thực hiện chương trình, tổ chức thi tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 của Quy chế như sau:

“2. Hồ sơ dự tuyển

a) Tuyển sinh trung học cơ sở

- Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Căn cước của học sinh, địa chỉ thường trú;

- Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ;

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

b) Tuyển sinh trung học phổ thông

- Bản kê khai thông tin học sinh bao gồm: Họ và tên, số định danh cá nhân/số Căn cước công dân/số Căn cước, địa chỉ thường trú;

- Bản sao chứng thực hoặc bản chụp/photo kèm bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời;

- Học bạ cấp trung học cơ sở;

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 của Quy chế như sau:

“2. Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau:

a) Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

b) Học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Quy chế này đạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hóa, văn nghệ, thể thao, cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; đạt giải cuộc thi quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử.”;

5. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 12 của Quy chế như sau:

“a) Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tuyển sinh đối với các trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh.”;

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 Quy chế kèm theo Thông tư như sau:

“3. Biên tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên bên trái: Ủy ban nhân dân xã/phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) + tên đơn vị hành chính.

b) Ở giữa ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 của Điều này. Đối với trường PTDTBT tiểu học, trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở có điểm trường, tên điểm trường ghi dưới tên trường.

c) Dưới cùng ghi địa chỉ, số điện thoại, email, website (nếu có) của nhà trường.”;

2. Sửa đổi Điều 7 Quy chế kèm theo Thông tư như sau:

“Điều 7. Phân cấp quản lý trường phổ thông dân tộc bán trú

Trường PTDTBT tiểu học, trường PTDTBT trung học cơ sở và trường PTDTBT tiểu học và trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.”;

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Thông tư như sau:

“1. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở tổng hợp nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã; trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tổng hợp nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp nhu cầu học tiếng dân tộc thiểu số của người học từ Ủy ban nhân dân các xã và các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; căn cứ vào các điều kiện tổ chức dạy học cụ thể của địa phương xây dựng kế hoạch và tham mưu UBND cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; bố trí nhân sự, đảm bảo cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo thẩm quyền quy định.”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Hướng dẫn trường tiểu học có học sinh là người dân tộc thiểu số xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện; tập huấn và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.”;

3. Sửa đổi tên Điều 22 như sau:

“Điều 22: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.”;

5. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 22;

6. Sửa đổi số thứ tự khoản 4 Điều 22 như sau:

“2. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện những khó khăn vướng mắc và có biện pháp hỗ trợ hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương trong quá trình thực hiện; kịp thời khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhằm phát huy những kết quả đạt được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo sau khi kết thúc thời gian dạy học.”;

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 như sau:

“3. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị, nhận xét và đánh giá kết quả dạy học trong phạm vi quyền hạn của hiệu trưởng các trường tiểu học; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước khi năm học mới bắt đầu.”;

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Trách nhiệm thi hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, hiệu trưởng các trường tiểu học và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 như sau:

“5. Cơ sở giáo dục lập hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa gửi về Ủy ban nhân dân xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông). Hồ sơ gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng của cơ sở giáo dục;
- b) Biên bản họp Hội đồng theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- c) Danh mục sách giáo khoa được lựa chọn của cơ sở giáo dục.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả lựa chọn sách giáo khoa

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả lựa chọn sách giáo khoa của cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý lựa chọn.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; rà soát báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả lựa chọn và danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều này; tổng hợp kết quả, lập danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn (kèm theo hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Trong quá trình sử dụng, căn cứ các kiến nghị của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh (nếu có), cơ sở giáo dục báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông) về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa.”;

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 13 như sau:

“d) Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; rà soát báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả lựa chọn và danh mục sách giáo khoa lựa chọn của các cơ sở giáo dục phổ thông; tổng hợp kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.”;

5. Sửa đổi bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa. Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này; tổng hợp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo danh mục lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thông báo danh mục sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đến giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh; hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa theo quy định.

3. Tổng hợp dự toán, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí và các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện kiểm tra việc tổ chức lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa theo quy định của pháp luật.”;

6. Sửa đổi, bổ sung điểm khoản 4, khoản 5 Điều 16 như sau:

“4. Tổng hợp các kiến nghị của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh (nếu có) về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học phổ thông), Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở) trước khi tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

5. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý giáo dục, học sinh, cha mẹ học sinh về việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa của cơ sở giáo dục theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này. Công khai, minh bạch các thông tin lựa chọn sách giáo khoa và giải trình trước dư luận về quyết định lựa chọn sách giáo khoa.”;

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Thường xuyên và Thủ trưởng các đơn vị

có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”;

8. “Bãi bỏ khoản 4 Điều 13”;

9. Thay thế cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Biện tên trường ghi những nội dung sau:

a) Góc phía trên, bên trái:

- Đối với trường trung học có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở: Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp cơ sở).”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quản lý.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.”;

4. Sửa đổi, bổ sung điểm đ, khoản 1 Điều 10 như sau:

“đ) Thủ tục thành lập Hội đồng trường trung học công lập:

Căn cứ vào quy định về thành phần của hội đồng trường tại điểm b khoản 1 Điều này, hiệu trưởng đề nghị chính quyền cấp cơ sở cử đại diện tham gia hội đồng trường ; tổng hợp danh sách hội đồng trường do chính quyền cấp cơ sở, tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu; làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở đối với cấp trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở.

Hiệu trưởng tổ chức phiên họp đầu tiên của hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường bằng phiếu kín; làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở.”;

5. Sửa đổi, bổ sung điểm e, khoản 1 Điều 10 như sau:

“e) Hàng năm, nếu có sự thay đổi về nhân sự, hiệu trưởng làm tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cấp trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở), Giám đốc

Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông) ra quyết định bổ sung, kiện toàn hội đồng trường.”;

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 11 như sau:

“c) Nhiệm kỳ của hiệu trưởng trường trung học là 05 năm. Sau mỗi năm học, hiệu trưởng được viên chức, nhân viên trong trường góp ý và cấp có thẩm quyền đánh giá theo quy định. Hiệu trưởng công tác tại một trường trung học công lập có thể được bổ nhiệm lại với số lần không hạn chế để giữ một chức vụ quản lý, trừ trường hợp có quy định khác của Đảng và pháp luật chuyên ngành.”;

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 11 như sau:

“a) Về trình độ đào tạo và thời gian công tác: phải đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục và đã dạy học ít nhất 05 năm (hoặc 04 năm đối với miền núi, hải đảo, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).”;

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 4 Điều 11 như sau:

“a) Đối với trường trung học công lập: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở và trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.”;

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Nhà trường tham gia điều tra, cập nhật số liệu và quản lý hồ sơ phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo địa bàn được phân công; phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở của cấp cơ sở; tham mưu chính quyền cấp cơ sở đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo quy định.”;

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 22 như sau:

“4. Học sinh học hết chương trình trung học cơ sở, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình và Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.”;

11. Bãi bỏ cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo” tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông

1. Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ như sau:

“Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông.”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Hồ sơ xin miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện khu vực hoặc bệnh viện đa khoa cấp.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục sử dụng Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), Học bạ học sinh. Trường hợp sử dụng dạng hồ sơ điện tử, bộ phận chuyên môn về giáo dục của Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.”;

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Văn bản hợp nhất 07/VBHN/2022-BGDĐT Quyết định chuyển trường và tiếp nhận học sinh và Thông tư 50/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông

1. Sửa đổi, bổ sung điểm f khoản 1 Điều 5 như sau:

“f) Giấy giới thiệu chuyển trường do hiệu trưởng nơi đi cấp.”;

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 như sau: “Hiệu trưởng nhà trường nơi đến tiếp nhận hồ sơ và giải quyết theo quy định của Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau: “Việc chuyển trường được thực hiện khi kết thúc học kỳ I của năm học hoặc trong thời gian hè trước khai giảng năm học mới. Trường hợp ngoại lệ về thời gian, hiệu trưởng nhà trường xem xét quyết định theo hướng dẫn của sở Giáo dục và Đào tạo.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau: “1. Hiệu trưởng nhà trường trực tiếp kiểm tra hồ sơ và xem xét, quyết định tiếp nhận theo hướng dẫn của sở Giáo dục và Đào tạo.”;

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 21 như sau: “c) Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Giáo dục và Đào tạo (cấp trung học phổ thông), Ủy ban nhân dân cấp xã (cấp trung học cơ sở) trong việc chuyển trường cho học sinh, tiếp nhận học sinh Việt Nam ở nước ngoài về nước, học sinh người nước ngoài học tại Việt Nam.”;

6. Bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau: “Cơ sở giáo dục xây dựng, khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử để kết nối, chia sẻ dữ liệu học sinh về học bạ số, văn bằng số.”;

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Trong năm tổ chức tuyển sinh, mỗi trường trung học cơ sở thành lập 01

(một) Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng; Phó chủ tịch là Phó hiệu trưởng hoặc Tổ trưởng chuyên môn; thư kí và ủy viên là giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp quản lí quyết định thành lập.”;

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

“b) Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu trực tiếp quản lí quy định.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở. Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở bao gồm các nội dung cơ bản sau: đối tượng tuyển sinh; chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh; tiêu chí xét tuyển; thời gian xét tuyển và công bố kết quả tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở được công bố trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp quản lí quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trường đặt trụ sở.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở tổ chức việc xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh đã được phê duyệt; đề xuất danh sách học sinh trúng tuyển với Hiệu trưởng nhà trường để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Đối với các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, danh sách học sinh trúng tuyển do Giám đốc đại học, Hiệu trưởng trường đại học, Viện trưởng viện nghiên cứu trực tiếp quản lí phê duyệt.”;

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lí.
2. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh Trung học cơ sở.
3. Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở; phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lí.
4. Xử lí hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lí những trường hợp bất thường trong quá trình tổ chức tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lí.
5. Chỉ đạo công tác kiểm tra việc tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lí.
6. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện thông kê, thông tin, báo cáo về công tác tuyển sinh trung học cơ sở khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.”;

6. Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trên địa bàn thực hiện công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.”;

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 18 như sau:

“5. Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông, bao gồm công tác tuyển sinh của các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, đại học, trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Mỗi cơ sở giáo dục có học sinh học hết lớp 9 trong năm xét công nhận tốt nghiệp thành lập 01 (một) Hội đồng.”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

“Hội đồng gửi biên bản và danh sách được đề nghị công nhận tốt nghiệp cho hiệu trưởng phê duyệt.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 như sau:

“Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục tổ chức xét công nhận tốt nghiệp tốt nghiệp trung học cơ sở.”;

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Bảo đảm nguồn kinh phí và các điều kiện để tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

2. Lưu trữ hồ sơ đề nghị công nhận tốt nghiệp, danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp và hồ sơ quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định.

3. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả xét công nhận tốt nghiệp và danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp hằng năm.”;

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Ra Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở.”;

6. Sửa đổi khoản 7 Điều 14 như sau:

“Ra Quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, tổ chức cấp phát bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp.”;

7. Thay thế cụm từ “Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi cơ sở giáo dục trình Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt” bằng cụm từ “Lập danh sách học sinh đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp gửi hiệu trưởng phê duyệt” tại điểm b khoản 2 Điều 7;

8. Bãi bỏ Điều 13.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Thông tư này thay thế Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”;

3. Sửa đổi, bổ sung điểm khoản 1 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư như sau:

“1. Trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tại hải đảo (sau đây gọi chung Ủy ban nhân dân cấp cơ sở) quyết định cho phép thành lập, Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quản lý.”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư như sau:

“2. Trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp cơ sở xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn.”;

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư như sau:

“b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở;

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông. Thư kí hội đồng trường do chủ tịch hội đồng trường chỉ định.”;

4. Sửa đổi, bổ sung Điều a khoản 3 Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư như sau:

“a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp cơ sở quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông.”;

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Bộ trưởng Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND, Sở GDĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử CP;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;
- Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT, Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu VT, Vụ GDPT, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thương